Bài giảng 18

Thuế tiêu dùng

Đỗ Thiên Anh Tuấn

Bài giảng được soạn chủ yếu dựa theo bài giảng năm 2011 của Thầy Vũ Thành Tự Anh

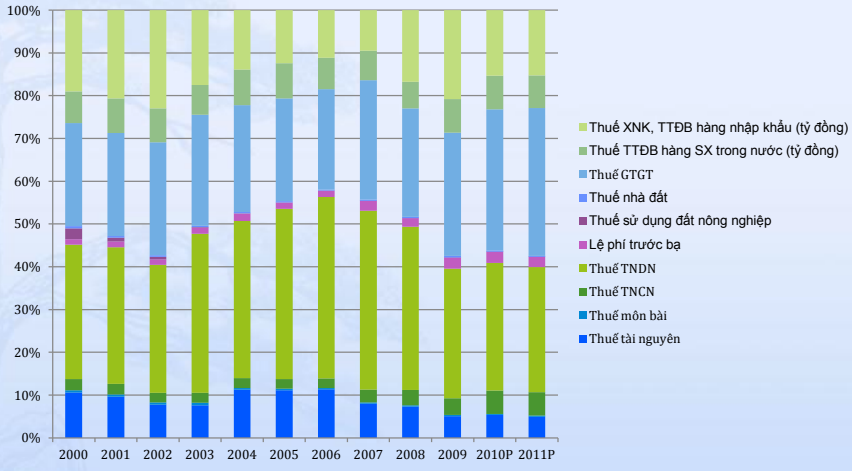
1

Nội dung

- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế giá trị gia tăng
- [Thuế xuất nhập khẩu]

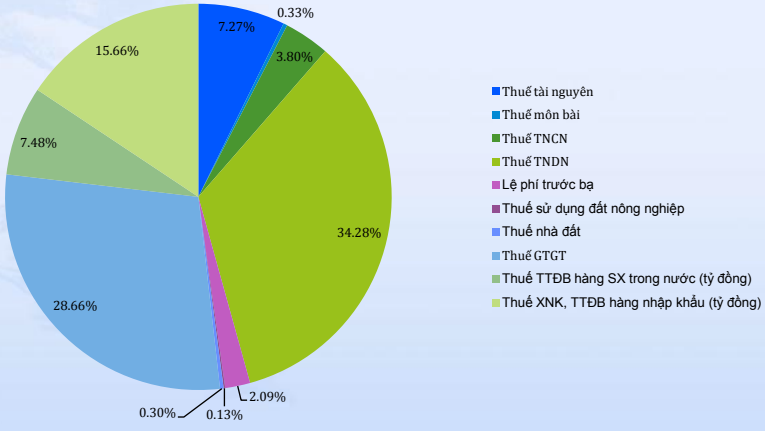
2

Cơ cấu nguồn thu thuế ở Việt Nam



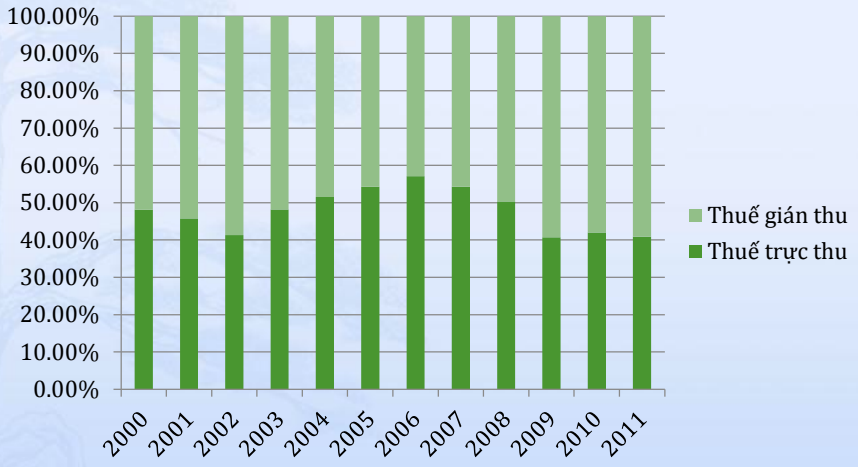
Nguồn: Bộ Tài chính

Cơ cấu nguồn thu thuế bình quân thời kỳ 2000 – 2011



Nguồn: Số liệu Bộ Tài chính

Cơ cấu thuế trực thu sv. gián thu



Nguồn: Số liệu Bộ Tài chính

Thuế tiêu thụ đặc biệt

- Vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt trong hệ thống thuế?
- Thuế tiêu thụ đặc biệt thường áp dụng đối với những hàng hoá nào và tại sao?
- Các nội dung xây dựng thuế chủ yếu liên quan đến thuế tiêu thụ đặc biệt là gì?
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hiệu chỉnh các ngoại tác tiêu cực như thế nào?

Thuế tiêu thụ đặc biệt

- Tạo nguồn thu lớn
- Hạn chế mức độ biến dạng kinh tế
- Quản lý tương đối dễ dàng
- Có thể dùng để điều chỉnh ngoại tác tiêu cực
- Cải thiện công bằng theo chiều dọc
- Thuế theo đơn vị hay theo giá trị?
- Mục tiêu thu ngân sách hay điều tiết của nhà nước?
- Phạm vi nên áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt?

Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam

- Từ năm 1990 Việt Nam đã ban hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (cùng với Luật thuế doanh thu và Luật thuế lợi tức)
- Luật thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành có hiệu lực từ ngày 01/04/2009 được ban hành ngày 14/11/2008

Đối tượng chịu thuế

- **Hàng hóa:**
  - Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm;
  - Rượu;
  - Bia;
  - Xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng;
  - Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125cm^3;
  - Tàu bay, du thuyền;
  - Xăng các loại, nap-ta (naphtha), chế phẩm tái hợp (reformade component) và các chế phẩm khác để pha chế xăng;
  - Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống;
  - Bài lá;
  - Vàng mã, hàng mã.
- **Dịch vụ:**
  - Kinh doanh vũ trường;
  - Kinh doanh mát-xa (massage), ka-ra-ô-kê (karaoke);
  - Kinh doanh ca-si-nô (casino); trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy giắc-pót (jackpot), máy sờ-lot (slot) và các loại máy tương tự;
  - Kinh doanh đặt cược;
  - Kinh doanh gôn (golf) bao gồm bán thẻ hội viên, vé chơi gôn;
  - Kinh doanh xổ số.

9

Biểu thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt (trích)

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
I	Hàng hoá	
1	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	65
2	Rượu	
	a) Rượu từ 20 độ trở lên	
	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012	45
	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013	50
	b) Rượu dưới 20 độ	25
3	Bia	
	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012	45
	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013	50

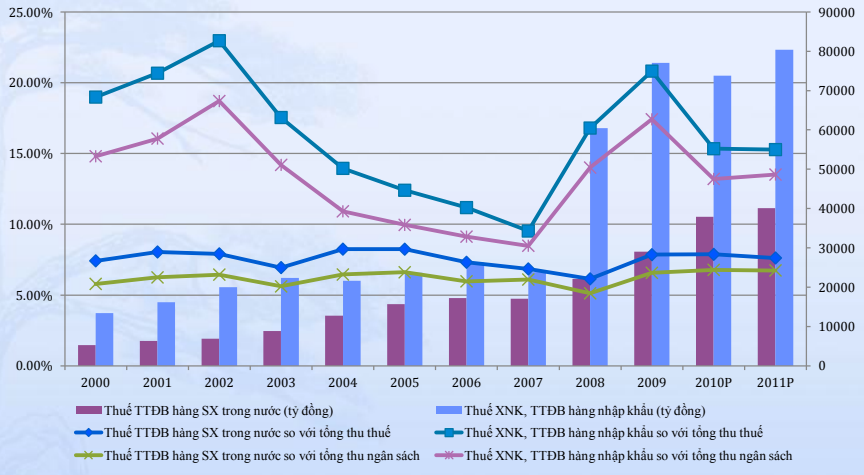
10

Biểu thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt (tt)

II	Dịch vụ	Thuế suất
1	Kinh doanh vũ trường	40
2	Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê	30
3	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng	30
4	Kinh doanh đặt cược	30
5	Kinh doanh gôn	20
6	Kinh doanh xổ số	15

11

Bức tranh thuế tiêu thụ đặc biệt ở Việt Nam



Nguồn: Số liệu Bộ Tài chính

12

Thuế giá trị gia tăng

- "Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông, đến tiêu dùng"
- Là thuế gián thu, được thu ở nhiều khâu, căn cứ vào giá trị gia tăng tạo ra ở mỗi khâu.

Một số khái niệm cơ bản

- **Giá trị gia tăng**: Phần giá trị mà nhà sản xuất, nhà phân phối, nhà cung ứng dịch vụ… tạo ra (bổ sung vào chi phí nguyên vật liệu hoặc hàng hoá mua vào) trước khi đem bán hàng hoá hoặc dịch vụ mới.
- **Hai cách tính giá trị gia tăng:**
- VA = Giá trị đầu ra – Giá trị đầu vào
- VA = tiền lương + tiền lãi + tiền thuê + lợi nhuận

Đối tượng nộp thuế VAT

- Đối tượng nộp thuế VAT
  - *Cơ sở kinh doanh*: tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế
  - *Người nhập khẩu*: tổ chức, cá nhân khác nhập khẩu hàng hoá chịu thuế
- Một số đối tượng không phải chịu thuế VAT

15

Ưu điểm và nhược điểm của thuế VAT

- Ưu điểm
  - Cơ sở thuế rộng
  - Tính trung lập của thuế cao
  - Khắc phục được hiện tượng chồng thuế
  - Ít có động cơ khuyến khích trốn thuế
- Nhược điểm
  - Thủ tục bồi hoàn thuế khá phức tạp
  - Khó thực hiện đối với những nước mà phần lớn hoạt động kinh doanh được thực hiện bởi doanh nghiệp nhỏ, hệ thống kế toán không đáng tin cậy.

16

Phương pháp tính thuế VAT

- Phương pháp cộng thêm (addition method)
- Phương pháp trực tiếp (subtraction or accounts method)
- Phương pháp khấu trừ (credit or invoice method)

17

Phương pháp tính VAT:
Phương pháp cộng thêm

- Giá trị tính thuế tại mỗi khâu (A) = Mức lương trả cho lao động, tiền thuê tài sản, tiền lãi ngân hàng, và lợi nhuận
- VAT = (A) * Thuế suất
- Nhược điểm:
  - Cần nhiều thông tin
  - Lợi nhuận công ty thường kém chính xác

18

Phương pháp tính VAT:
Phương pháp trực tiếp

- Áp dụng cho những đơn vị chưa đủ điều kiện về tổ chức kế toán, hoá đơn, chứng từ
- VAT = Thuế suất * VA chịu thuế
- VA chịu thuế = Giá trị đầu ra – Giá trị đầu vào

19

Phương pháp tính VAT:
Phương pháp khấu trừ

- Áp dụng cho những đơn vị đã thực hiện tốt công tác kế toán, hoá đơn, chứng từ
- VAT phải nộp = VAT đầu ra – VAT đầu vào
- VAT đầu ra = Thuế suất đầu ra * giá tính thuế của hàng hoá đầu ra
- VAT đầu vào = Thuế suất đầu vào * giá tính thuế của hàng hoá đầu vào

20

Phương pháp tính VAT:
Ví dụ về phương pháp khấu trừ

- Giả sử thuế suất các khâu đều là 10%



Công ty Mộc Lâm bán gỗ với giá $100 + $10 VAT

VAT = $10



Xưởng sản xuất Ghế Xinh mua gỗ với giá $110
Sản xuất ghế rồi bán với giá $200 + $20 VAT
VAT = $10 ($20 đầu ra - $10 khấu trừ)



Cửa hàng nội thất mua ghế với giá $220
Bán lại với giá $300 +$30 VAT
VAT = $10 ($30 - $20 khấu trừ)

Tổng số thuế VAT = $10 + $10 + $10 = $30

21

Phương pháp tính VAT:
Ví dụ về phương pháp trực tiếp

- Giả sử thuế suất các khâu đều là 10%



Công ty Mộc Lâm bán gỗ với giá $100
Giá mua đầu vào = $0 => VA = $100 - $0 = $100
VAT = $100 * 10% = $10



Xưởng sản xuất Ghế Xinh mua gỗ với giá $100
Sản xuất ghế rồi bán $200 => VA=$200-$100 = $100
VAT = $100 * 10% = $10



Cửa hàng nội thất mua ghế với giá $200
Bán lại với giá $300 => VA = $300 - $200 = $100
VAT = $100 * 10% = $10

Tổng số thuế VAT = $10 + $10 + $10 = $30

22

Ưu điểm của phương pháp khấu trừ

- Hoá đơn là chứng từ quan trọng nhất của giao dịch và là chứng cứ cho việc đã nộp thuế
- Tạo ra cơ sở tốt cho kiểm toán
- Có thể áp dụng cho nhiều mức thuế suất khác nhau

Miễn thuế sv. thuế suất 0%

- Một đơn vị được miễn thuế VAT sẽ không nộp thuế trên doanh số bán nhưng không được hoàn thuế
- Một đơn vị chịu thuế suất VAT bằng 0% sẽ không nộp thuế trên doanh số bán, đồng thời được hoàn thuế
- Khi một đơn vị trung gian được miễn thuế sẽ làm gián đoạn dây chuyền hoàn thuế và làm cho toàn bộ số thuế phải nộp tăng lên
- Khi một đơn vị trung gian có thuế suất VAT bằng 0% sẽ không làm gián đoạn dây chuyền hoàn thuế, và vì vậy, tổng số thuế phải nộp không đổi

Miễn thuế sv. thuế suất 0%

- Khi thuế suất VAT bằng 0% ở một khâu nào đó thì tất cả các khoản VAT ở những khâu trước đó bị loại trừ
- Áp thuế suất 0% tại khâu cuối cùng sẽ triệt tiêu hoàn toàn nguồn thu thuế (thông qua cơ chế hoàn thuế)
- Khi sử dụng nhiều mức thuế suất, số thu thuế thực sự phụ thuộc vào thuế suất đánh ở khâu cuối cùng

25

Phương pháp khấu trừ thuế: Thuế suất đồng nhất 10%

	Sản xuất	Bán sỉ	Bán lẻ	Tổng VAT
	10%	10%	10%	
Giá bán (chưa VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	10	20	30	
Giá mua (gồm VAT)	0	110	220	
Hoàn thuế đầu vào	0	10	20	
VAT phải nộp	10	10	10	**30**

Giá bán lẻ hàng hoá **330**

26

Phương pháp khấu trừ thuế:
Thuế suất không đồng nhất 10%

	Sản xuất	Bán sỉ	Bán lẻ	Tổng VAT
	10%	15%	20%	
Giá bán (chưa VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	10	30	60	
Giá mua (gồm VAT)	0	110	230	
Hoàn thuế đầu vào	0	10	30	
VAT phải nộp	10	20	30	**60**

Giá bán lẻ hàng hoá **360**

27

Phương pháp khấu trừ thuế:
Đơn vị bán lẻ với thuế suất 0%

	Sản xuất	Bán sỉ	Bán lẻ	Tổng VAT
	10%	10%	0%	
Giá bán (chưa VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	10	20	0	
Giá mua (gồm VAT)	0	110	220	
Hoàn thuế đầu vào	0	10	20	
VAT phải nộp	10	10	-20	**0**

Giá bán lẻ hàng hoá **300**

28

Phương pháp khấu trừ thuế:
Đơn vị bán sỉ với thuế suất 0%

	Sản xuất	Bán sỉ	Bán lẻ	Tổng VAT
	10%	0%	10%	
Giá bán (chưa VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	10	0	30	
Giá mua (gồm VAT)	0	110	200	
Hoàn thuế đầu vào	0	10	0	
VAT phải nộp	10	-10	30	**30**

Giá bán lẻ hàng hoá **330**

29

Phương pháp khấu trừ thuế:
Đơn vị sản xuất với thuế suất 0%

	Sản xuất	Bán sỉ	Bán lẻ	Tổng VAT
	0%	10%	10%	
Giá bán (chưa VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	0	20	30	
Giá mua (gồm VAT)	0	100	220	
Hoàn thuế đầu vào	0	0	20	
VAT phải nộp	0	20	10	**30**

Giá bán lẻ hàng hoá **330**

30

Phương pháp khấu trừ thuế:
Thuế suất 10% và đơn vị bán lẻ được miễn thuế

	Sản xuất	Bán sỉ	Bán lẻ	Tổng VAT
	10%	10%	Miễn	
Giá bán (chưa VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	10	20	0	
Giá mua (gồm VAT)	0	110	220	
Hoàn thuế đầu vào	0	10	0	
VAT phải nộp	10	10	0	**20**

Giá bán lẻ hàng hoá **300**

Phương pháp khấu trừ thuế:
Thuế suất 10% và đơn vị bán sỉ được miễn thuế

	Sản xuất	Bán sỉ	Bán lẻ	Tổng VAT
	10%	Miễn	10%	
Giá bán (chưa VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	10	0	30	
Giá mua (gồm VAT)	0	110	200	
Hoàn thuế đầu vào	0	0	0	
VAT phải nộp	10	0	30	**40**

Giá bán lẻ hàng hoá **330**

Phương pháp khấu trừ thuế:
Thuế suất 10% và đơn vị sản xuất được miễn thuế

	Sản xuất	Bán sỉ	Bán lẻ	Tổng VAT
	Miễn	10%	10%	
Giá bán (chưa VAT)	100	200	300	
VAT trên giá bán	0	20	30	
Giá mua (gồm VAT)	0	100	220	
Hoàn thuế đầu vào	0	0	20	
VAT phải nộp	0	20	10	**30**

Giá bán lẻ hàng hoá **330**

Thuế VAT với giao dịch xuyên biên giới

- Nguyên tắc đánh thuế tại nơi đến (destination principle of taxation)
  - Thuế được đánh tại nơi tiêu thụ hàng hoá
  - Hàng hoá nhập khẩu sẽ bị đánh thuế
  - Hàng hoá xuất khẩu không bị đánh thuế
- Nguyên tắc đánh thuế tại nguồn (origin principle of taxation)
  - Thuế được đánh tại nơi sản xuất
  - Hàng hoá xuất khẩu bị đánh thuế
  - Hàng hoá nhập khẩu không bị đánh thuế

Thuế VAT với giao dịch xuyên biên giới: Phân phối cơ sở thuế toàn cầu

- Với nguyên tắc đánh thuế tại nguồn:
  - Giá trị gia tăng xuất khẩu là một nguồn cơ sở thuế của các nước xuất khẩu
  - Thặng dư ngoại thương sẽ mở rộng cơ sở thuế
- Với nguyên tắc đánh thuế tại nơi đến:
  - Giá trị gia tăng xuất khẩu là một phần cơ sở thuế của nước nhập khẩu
  - Thặng dư ngoại thương sẽ thu hẹp cơ sở thuế
- Cần phải có sự thoả thuận cùng chia sẻ nguồn thu thuế của các nước tham gia ngoại thương nhất là với phương pháp đánh thuế tại nguồn

35

Thuế VAT với giao dịch xuyên biên giới

- Tại sao hầu hết các nước có thuế VAT sử dụng nguyên tắc nơi đến?
  - Hàng hoá ngoại thương không bao gồm VAT của các nước xuất khẩu
  - Hiệu chỉnh thuế tại biên giới dễ dàng hơn
  - Không cần điều chỉnh giá hàng hoá ngoại thương tại cửa khẩu cho mục đích tính thuế VAT

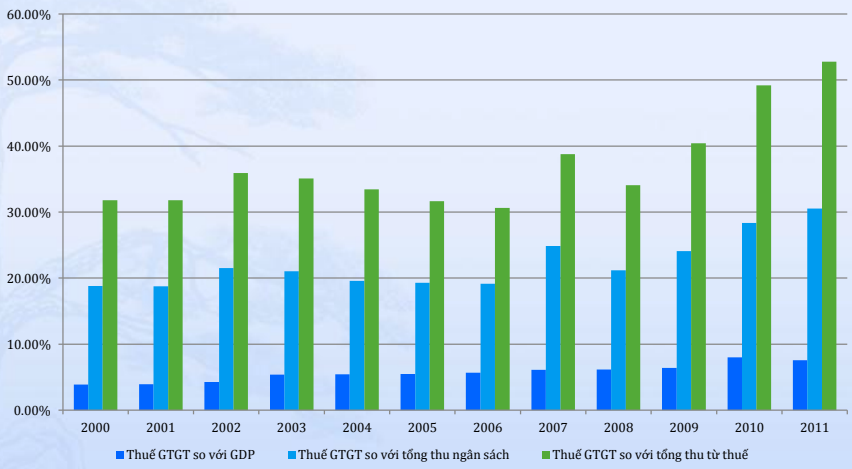
36

Thuế VAT ở Việt Nam

- Luật thuế GTGT đầu tiên ở Việt Nam được thông qua ngày 10/5/1997 trên cơ sở thay thế Luật thuế doanh thu.
- Phiên bản mới nhất của Luật thuế GTGT có hiệu lực từ ngày 01/01/2009 được Quốc hội khoá XII thông qua ngày 03/06/2008.
- Một số đặc trưng:
  - VAT dựa trên tiêu dùng
  - Phương pháp sử dụng chủ yếu là khấu trừ
  - Một số doanh nghiệp sẽ phải sử dụng phương pháp trực tiếp hoặc thuế doanh thu (thuế khoán)
  - Nhiều nhóm đối tượng được miễn thuế
  - Thuế suất hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu bằng 0%
  - Nguyên tắc đánh thuế tại nơi đến

37

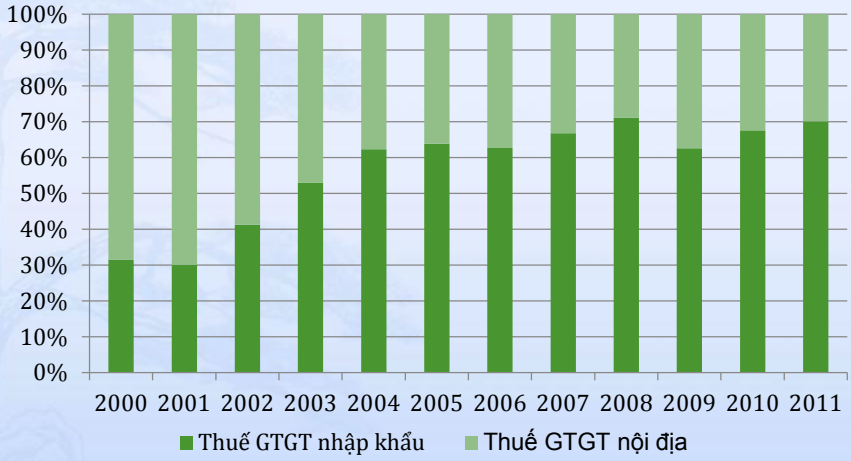
Bức tranh về thuế VAT ở Việt Nam



Nguồn: Tính từ số liệu của Bộ Tài chính, Tổng cục Thống kê

38

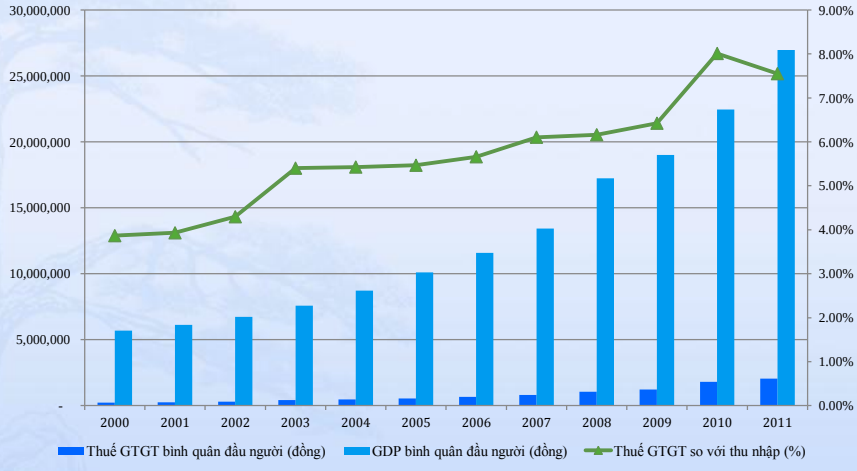
Cơ cấu thu thuế VAT



Nguồn: Bộ Tài chính

39

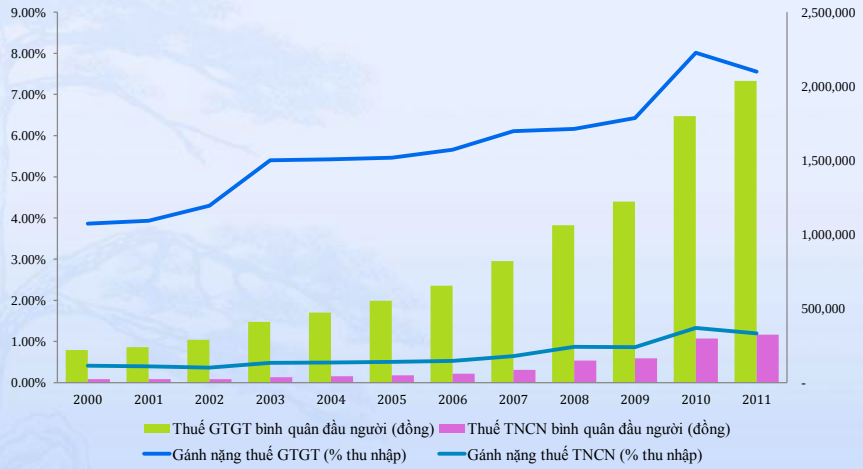
Bức tranh về thuế VAT ở Việt Nam



Nguồn: Tính từ số liệu của Bộ Tài chính, IFS

40

Gánh nặng thuế VAT sv. TNCN



Nguồn: Tính từ số liệu của Bộ Tài chính, Tổng cục Thống kê

41

Thuế VAT ở Việt Nam

- Cơ sở thuế
  - Bao quát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh (sản xuất, thương mại, xây dựng, dịch vụ, ăn uống, xuất nhập khẩu…)
- Thuế suất: 3 nhóm
  - 0%: hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu
  - 5%: hàng hoá, dịch vụ thiết yếu (nước sạch, phân bón, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, sách và đồ chơi trẻ em, thuốc men, trang thiết bị y tế…)
  - 10%: các hàng hoá, dịch vụ còn lại

42

Thuế VAT ở Việt Nam

- Cách tính thuế:
  - *Phương pháp trực tiếp*: cơ sở kinh doanh và tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có thu nhập phát sinh tại Việt Nam chưa tượ̛c hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng ừ và các đơn vị kinh doanh vàng bạc, đá quý.
  - *Phương pháp khấu trừ*: những đối tượng còn lại
- Giá tính thuế:
  - Đối với hàng hoá, dịch vụ: giá bán hoặc phí chưa có VAT
  - Đối với hàng hoá nhập khẩu: giá CIF cộng với thuế nhập khẩu (cộng thuế tiêu thụ đặc biệt nếu có)

Thuế VAT ở Việt Nam

- Ưu điểm
  - Khắc phục được hiện tượng chồng thuế
  - Loại trừ động cơ liên kết theo chiều dọc để tránh thuế
  - Đánh thuế trực tiếp hàng hoá xuất khẩu được loại bỏ
  - Đơn giản hơn, thuế suất thấp hơn so với trước
- Vấn đề tồn tại
  - Quản lý thuế trở nên phức tạp
  - Có động cơ cho phân loại sai
  - Cơ sở thuế có thể bị xói mòn
  - Tác động thay thế và phân bổ nguồn lực không hiệu quả

Thuế xuất nhập khẩu

- Những lập luận nào ủng hộ và phản đối thuế nhập khẩu?
- Liệu suất thuế nhập khẩu có phải là một thước đo tốt cho mức độ bảo hộ không?
- Biểu thuế nào tốt hơn, thuế suất đồng nhất hay đa thuế suất?
- Các nhà xuất khẩu làm thế nào để tránh được tác động chi phí tăng do thuế?
- Có lý do gì để đánh thuế đối với hàng xuất khẩu?

45

Thương mại tự do và bảo hộ

- Lập luận ủng hộ thương mại tự do
- Lập luận về sự cần thiết phải tạo nguồn thu cho ngân sách
- Mục tiêu cân bằng cán cân thanh toán
- Thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ giá
- Lập luận "ngành công nghiệp non trẻ"

46

Lý do đánh thuế xuất khẩu

- Những điểm không hoàn hảo của thị trường
- Thuế xuất khẩu như một hình thức thay thế cho thuế thu nhập
- Mục đích ổn định và lợi ích trời cho

Thuế xuất nhập khẩu và các tranh luận

- Thuế xuất nhập khẩu và tỷ lệ ngoại thương
- Thương mại chiến lược và kinh tế học quốc tế mới
- Cơ cấu thuế nhập khẩu và thuế nhập khẩu tối ưu
- Cơ cấu thuế nhập khẩu tối ưu và mục tiêu ngân sách
- Cơ cấu thuế nhập khẩu tối ưu và mục tiêu bảo hộ

Thuế xuất nhập khẩu ở Việt Nam

- Năm 1987, Việt Nam có Luật thuế xuất, thuế nhập khẩu hàng mậu dịch
- Năm 1991, thông qua Luật thuế xuất, thuế nhập khẩu
- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi vào các năm 1993 và 1998
- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 được ban hành vào ngày 16/06/2005.

Đối tượng chịu thuế

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam;
- Hàng hóa được đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan và từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.

Đối tượng không chịu thuế

- Hàng hoá vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hoá chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ;
- Hàng hoá viện trợ nhân đạo, hàng hoá viện trợ không hoàn lại;
- Hàng hóa từ khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài, hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hóa đưa từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác;
- Hàng hoá là phần dầu khí thuộc thuế tài nguyên của Nhà nước khi xuất khẩu.

(Điều 3, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2005)

51

Đối tượng miễn thuế sv. xét miễn thuế

- **Đối tượng miễn thuế (trích Điều 16)**
  - Hàng hoá tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm…
  - Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao tại Việt Nam
  - Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án khuyến khích đầu tư, dự án đầu tư bằng nguồn vốn ODA…
- **Đối tượng xét miễn thuế (trích Điều 17)**
  - Hàng hoá nhập khẩu chuyên dùng trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, giáo dục và đào tạo; hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng trực tiếp phục vụ nghiên cứu khoa học…
  - Hàng hoá là quà biếu, quà tặng, hàng mẫu của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc ngược lại trong định mức do Chính phủ quy định.

52

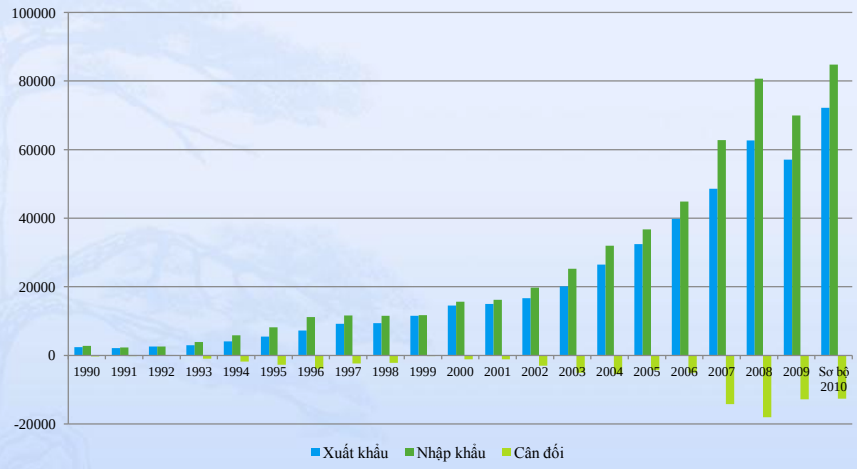
Căn cứ tính thuế

- Số lượng đơn vị từng mặt hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu ghi trong tờ khai hải quan
- Giá tính thuế
- Thuế suất theo tỷ lệ %
- Mức thuế tuyệt đối trên đơn vị hàng hoá

Giá tính thuế và thuế suất

- Giá tính thuế:
  - Giá tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu là giá bán tại cửa khẩu xuất theo hợp đồng.
  - Giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên theo hợp đồng, phù hợp với cam kết quốc tế
- Thuế suất:
  - Ban hành biểu thuế xuất khẩu
  - Chính phủ trình Uỷ ban thường vụ Quốc hội ban hành Biểu thuế xuất khẩu
  - Thủ tướng quyết định mặt hàng áp dụng thuế tuyệt đối và mức thuế tuyệt đối trong trường hợp cần thiết.

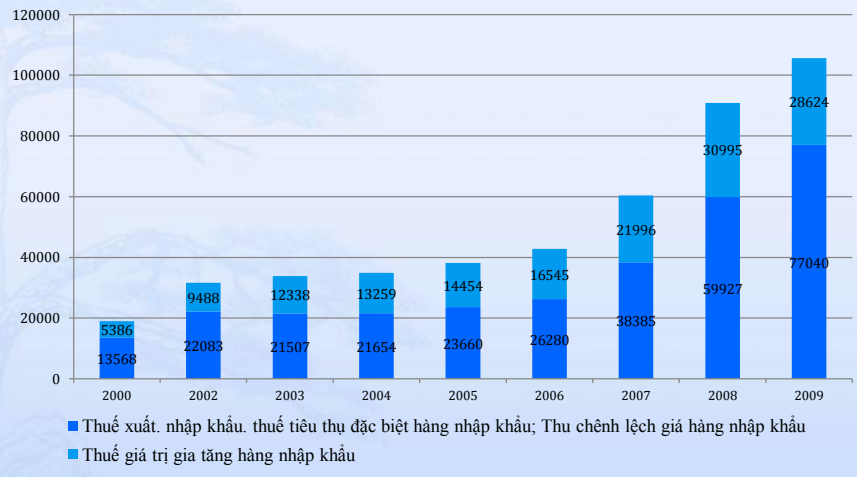
Bức tranh về cán cân thương mại Việt Nam (tỷ đồng)



Nguồn: GSO

55

Thu từ hải quan (tỷ đồng)



Nguồn: GSO

56